

Số: *118* /UBND-NC

Xuân Lộc, ngày 18 tháng 01 năm 2019

V/v triển khai thực hiện Quyết định số
169/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của
UBND tỉnh Đồng Nai

Kính gửi:

- Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin;
- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai (**đính kèm văn bản**). Chủ tịch UBND huyện có ý kiến như sau:

1. Giao Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai; đồng thời, niêm yết Quyết định tại Trụ sở cơ quan, đơn vị, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã, thị trấn và đăng trên Cổng thông tin điện tử huyện, xã, thị trấn theo quy định.

2. Giao Văn phòng HĐND và UBND huyện:

- Niêm yết và triển khai thực hiện Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện nhằm thực hiện tốt các quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại trên địa bàn huyện, đảm bảo thời gian xử lý, giải quyết hồ sơ theo quy định.

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn trong việc thực hiện các nội dung nêu trên; kịp thời tổng hợp, tham mưu UBND huyện chỉ đạo xử lý.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Lưu: VT-TH(Thanh)-IO. *TH*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Thị Lành



Digitally signed
by Vn phòng y
ban nhân dân
Date:
2019.01.16
10:35:58+0700

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: **169** /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 15 Tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của ngành văn hóa thể thao và du lịch tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL ngày 13/4/2018; Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2018; Quyết định số 2741/QĐ-BVHTTDL ngày 25/7/2018; Quyết định số 4011/QĐ-BVHTTDL ngày 25/10/2018; Quyết định số 4017/QĐ-BVHTTDL ngày 25/10/2018; Quyết định số 4117/QĐ-BVHTTDL ngày 07/11/2018; Quyết định số 4143/QĐ-BVHTTDL ngày 07/11/2018; Quyết định số 4170/QĐ-BVHTTDL ngày 09/11/2018; Quyết định số 4246/QĐ-BVHTTDL ngày 15/11/2018; Quyết định số 4247/QĐ-BVHTTDL ngày 19/11/2018; Quyết định số 4349/QĐ-BVHTTDL ngày 26/11/2018; Quyết định số 4350/QĐ-BVHTTDL ngày 26/11/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 3308/TTr-SVHTTDL ngày 19 tháng 12 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai (*nội dung & danh mục đính kèm*).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai Bộ thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm in ấn, đóng thành quyển Bộ thủ tục hành chính đã được công bố, phát hành đến các đơn vị theo thành phần nơi nhận của Quyết định này; cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia của Chính phủ.

Điều 4. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch cập nhật nội dung, quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố lên Phần mềm một cửa điện tử của tỉnh.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn; Trung tâm hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Văn phòng UBND tỉnh, Sở VH TT & DL;
- Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông;
- Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai; Báo Lao động Đồng Nai;
- Trung tâm hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Trung tâm kinh doanh VNPT;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh



THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

ĐĂNG KÝ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH ĐỒNG NAI

Được ban hành kèm theo Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Số TT	Tên Thủ tục hành chính	Trang
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH	
I	LĨNH VỰC VĂN HÓA	
1.	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	10
2.	Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	15
3.	Xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	20
4.	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	24
5.	Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	27
6.	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	30
7.	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	33
8.	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	38
9.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	43
10.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	47
11.	Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	50
12.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	54
13.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	58
14.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	62
15.	Cấp giấy phép phổ biến phim (Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến và Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)	65

16.	Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	69
17.	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	73
18.	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	75
19.	Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	78
20.	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	80
21.	Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	82
22.	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	85
23.	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	88
24.	Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	91
25.	Cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	95
26.	Cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương	98
27.	Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	101
28.	Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương	104
29.	Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu	108
30.	Chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu	111
31.	Cấp giấy phép kinh doanh karaoke (do Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp)	114
32.	Cấp giấy phép kinh doanh vũ trường	117
33.	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	120
34.	Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	123

35.	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	126
36.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	129
37.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	133
38.	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	137
39.	Cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	139
40.	Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương	142
41.	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu	145
42.	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu	148
43.	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	152
44.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên	155
II	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH	
45.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	159
46.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	161
47.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	163
48.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	165
49.	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	166
50.	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	168
51.	Cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	169
52.	Cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	171
53.	Cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	172
54.	Cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	174

55.	Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	175
III	LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO	
56.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	179
57.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Yoga	181
58.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Golf	185
59.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông	189
60.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo	192
61.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Karatedo	195
62.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bơi, Lặn	198
63.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Billiards & Snooker	202
64.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn	205
65.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Dù lượn và Điều bay	209
66.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Khiêu vũ thể thao	213
67.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Thể dục thẩm mỹ	216
68.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Judo	219
69.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Thể dục thể hình và Fitness	222
70.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng	226

71.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Võ đạo thể thao giải trí	229
72.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Quyền anh	233
73.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Võ cổ truyền, Vovinam	236
74.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Mô tô nước trên biển	240
75.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá	243
76.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Quần vợt	247
77.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Patin	250
78.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lặn biển thể thao giải trí	254
79.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	259
80.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	264
81.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	268
82.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	272
83.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	277
IV	LĨNH VỰC DU LỊCH	
84.	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch.	285
85.	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	289
86.	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	292
87.	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	296

88.	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	300
89.	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	303
90.	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	306
91.	Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	308
92.	Thủ tục Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyên địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	313
93.	Thủ tục Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	319
94.	Thủ tục Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	322
95.	Thủ tục Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	326
96.	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	329
97.	Thủ tục công nhận điểm du lịch	333
98.	Thủ tục đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh	336
99.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	340
100.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	343
101.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	346
102.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	351
103.	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa và quốc tế	354
104.	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	358
105.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	362
106.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	365

107.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	368
108.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	371
109.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	374
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I	LĨNH VỰC VĂN HÓA	
1.	Cấp giấy phép kinh doanh karaoke (do cơ quan cấp giấy phép kinh doanh cấp huyện cấp)	377
2.	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	380
3.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	383
4.	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	391
5.	Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	395
6.	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	397
7.	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	400
8.	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	403
9.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	406
II	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH	
10.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	408
11.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	410
12.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	411
13.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	413
14.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	415
15.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	417
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
I	LĨNH VỰC VĂN HÓA	
1.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản	419
II	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH	

2.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	420
3.	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	429
III	LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO	
4.	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	433